



VIETFUND  
MANAGEMENT

# ĐIỂM TIN THÁNG 02.2015

Được phát hành vào ngày 16/03/2015



# MỤC LỤC

## Tình hình hoạt động và đầu tư của Quỹ

Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1)

Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng Đầu Việt Nam (VFMVF4)

Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFMVFA)

Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB)

Quỹ ETF VFMVN30 (E1VFN30)

## KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

# QUỸ ĐẦU TƯ VF1

## Tháng 2 - 2015

### THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF1
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	20/05/2004
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	08/10/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN.
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPTTS, KIS, MSBS, SBS, SSI, VCBS, VSC, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	1.95%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Hàng ngày (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Tái tục đầu tư

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	894.1
Số lượng CCQ đang lưu hành	41,188,279.5
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	23,917.2
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	19,727.5
Tỷ lệ chi phí (%)	2.3
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	75.0

**Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư**

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

### MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ VFMVF1 tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và thu nhập thông qua việc đầu tư vào danh mục cân bằng và đa dạng gồm các loại chứng khoán vốn, trái phiếu chuyển đổi, chứng khoán nợ trên thị trường Việt Nam.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ sẽ duy trì mục tiêu phân bổ đầu tư khoảng 20% NAV vào chứng khoán nợ và tiền, 80% vào chứng khoán vốn. Cổ phiếu được lựa chọn theo phương pháp bottom-up, dựa trên mô hình kinh doanh, lợi nhuận dài hạn, giá trị tài sản, tiềm năng dòng tiền ổn định, và chất lượng của đội ngũ quản lý. Trong một số trường hợp, Quỹ có thể thay đổi tỷ lệ phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và trái phiếu ở mức +/-10% NAV so với tỷ trọng mục tiêu nhằm nắm bắt tốt nhất cơ hội tăng trưởng hoặc giảm thiểu rủi ro cho danh mục đầu tư.

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Diễn biến tích cực của thị trường trong tháng 2 tiếp tục là động lực thúc đẩy giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ VF1 tăng trưởng. Giá trị NAV cho mỗi chứng chỉ quỹ VF1 đạt 21,706.6 đồng, tăng 1.7% so với tháng trước. Mức tăng trưởng này có phần thấp hơn chỉ số VN-Index do cổ phiếu Ngân hàng (22.7% VN-Index) tiếp tục dẫn dắt thị trường trong tháng 2. Cổ phiếu ngân hàng mà chủ yếu là VCB tăng trưởng 7.6% trong tháng 2 sau thông tin về việc sáp nhập với một ngân hàng nhỏ hơn, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng của danh mục, chỉ sau ngành Bất động sản (DXG +12.7%) và Thực phẩm (VNM +3.8%, DBC +1.0%, MSN +1.0%).

Ngành BĐS đóng góp đến 37.6% vào lợi nhuận đầu tư, chủ yếu từ cổ phiếu DXG. Năm 2015, Địa ốc Đất Xanh xây dựng kế hoạch kinh doanh tăng trưởng khá mạnh so với thực hiện năm 2014 nhờ vào các dự án tích lũy và kết quả bán hàng tích cực. Cụ thể DXG đề ra doanh thu thuần tăng 216% ở mức 1.600 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế 306 tỷ đồng, tăng 82% so với thực hiện năm 2014.

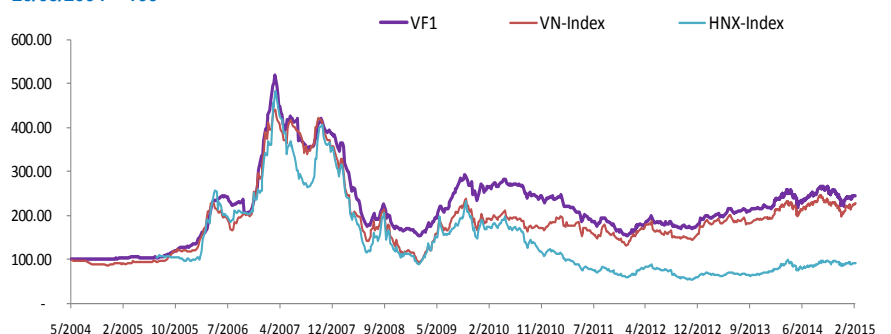
Ở chiều ngược lại, cổ phiếu JVC, sau khi tăng gần 40% trong tháng 1 đã điều chỉnh giảm 7.7% trong tháng 2 trước áp lực chốt lời của nhà đầu tư khi lượng cổ phiếu phát hành tăng vốn được niêm yết. Tuy nhiên giá cổ phiếu JVC bắt đầu phục hồi từ cuối tháng 2 đến giữa tháng 3.

### THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động
VFMVF1	21,706.6	1.7	0.5	4.5	(2.2)	117.1
VN-Index	592.6	2.9	4.6	8.6	1.0	126.5
HNX-Index	85.8	0.2	(1.9)	3.4	3.2	n/a

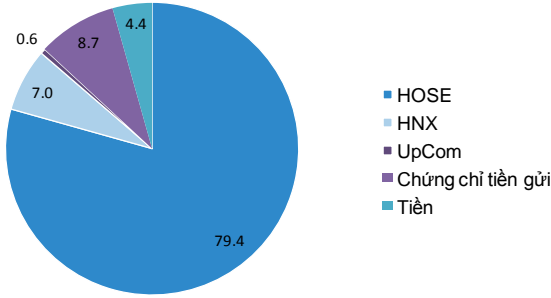
### TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX

20/05/2004 = 100



(Đường tăng trưởng của VF1 bao gồm cả cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư)

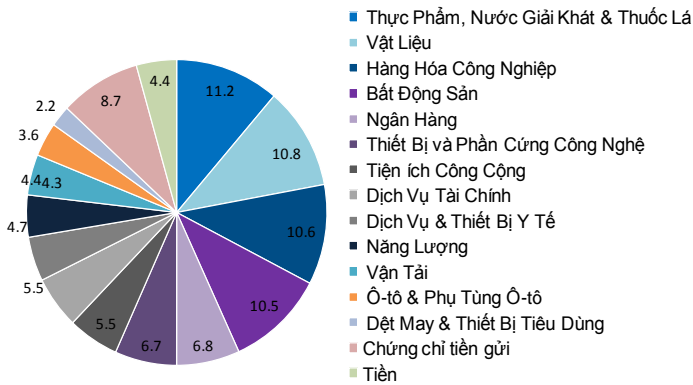
## CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



## 5 CP CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn giao dịch	% NAV
FPT	Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	HOSE	6.7
HPG	Vật Liệu	HOSE	6.6
VNM	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HOSE	5.9
GAS	Tiện ích Công Cộng	HOSE	5.5
REE	Hàng Hóa Công Nghiệp	HOSE	5.3

## CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



## ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

	VF1	VNIndex
P/E trung vị	10.8	10.3
P/E	9.3	13.1
P/B trung vị	1.7	1.0
P/B	1.6	1.9
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	19.3	14.7
Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%)	3.9	3.8
Số lượng cổ phiếu	34	304

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

## CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền và tương đương tiền	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

## CHỈ SỐ RỦI RO

	VF1	VNIndex
Hệ số Beta	1.0	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	19.1	17.3
Hệ số Sharpe	(0.4)	(0.1)

## KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

# QUỸ ĐẦU TƯ VF4

## Tháng 2 - 2015

### THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF4
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	28/02/2008
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	16/12/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Deutsche Bank AG - Tp.HCM
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPT, KIS, MSBS, SBS, SSI, VCBS, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	1.93%
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi.
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Thứ Tư hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Tái tục đầu tư

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	347.8
Số lượng CCQ đang lưu hành	36,599,921.8
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	10,901.6
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	8,584.2
Tỷ lệ chi phí (%)	2.4
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	89.2

#### Bà Phan Thị Thu Thảo - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

### MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ VFMVF4 là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và cổ tức thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Quỹ sử dụng phương pháp phân tích cơ bản làm nguyên tắc đầu tư chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, tính bền vững và rủi ro của các khoản đầu tư.

Tỷ trọng đầu tư vào chứng khoán vốn của Quỹ VF4 có thể đạt tới 100% tổng tài sản của Quỹ. Ngoài ra, để tạo sự linh hoạt trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư cũng như gia tăng giá trị các khoản tiền nhàn rỗi trong ngắn hạn, Quỹ VF4 cũng có thể đầu tư vào các loại chứng khoán nợ. Trong điều kiện bình thường, tỷ trọng các tài sản khác với chứng khoán vốn (như tiền và tài sản tương đương tiền, chứng khoán nợ...) không vượt quá 20% tổng tài sản của Quỹ.

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Tháng 2, giá trị tài sản ròng của VF4 tiếp tục tăng trưởng 2,1%, nâng NAV/ccq lên mức 9.501,7 đồng/ccq. Nhóm Bất động sản, Ngân hàng và Thực phẩm & NGK nằm trong top 3 đóng góp vào lợi nhuận của Quỹ trong tháng. Cả 3 nhóm này cũng nằm trong top 5 ngành có tỷ trọng cao nhất của Quỹ. Ngành Bất động sản tăng trưởng tốt nhờ những công bố kết quả kinh doanh khả quan, phản ánh xu hướng phục hồi của thị trường nhà đất trong năm qua. Điển hình là DXG với tăng trưởng 13% về thị giá trong vòng 1 tháng khi công bố lợi nhuận năm 2014 tăng gấp đôi so với năm 2013. Trong khi đó, Ngành Ngân hàng tiếp tục gây ấn tượng khi thu hút dòng tiền đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài vào các ngân hàng quy mô lớn như VCB, BID và CTG. Ngành Thực phẩm với tỷ trọng lớn nhất là VNM tiếp tục duy trì sức tăng thị giá khá bền vững do dự báo công ty sẽ có kết quả kinh doanh tốt trong năm khi đã chốt giá nguyên liệu đầu vào ở mức đáy cho cả năm 2015. Tính trong 2 tháng đầu năm, thị giá của VNM đã tăng 13%, gần hồi phục lại mức mất giá của cả năm 2014. Ngoài ra, các cổ phiếu khác thuộc top 5 như GAS, FPT cũng có tăng trưởng khá tốt trong tháng và đóng góp vào tăng trưởng chung của Quỹ.

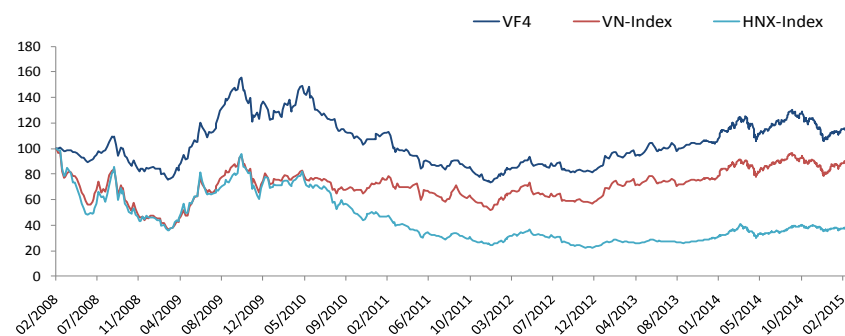
### THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (28/2/2008)
VFMVF4	9,501.7	2.1	(0.1)	5.8	(4.5)	15.0
VN-Index	592.6	2.9	4.6	8.6	1.0	(10.7)
HNX-Index	85.8	0.2	(1.9)	3.4	3.2	(62.4)

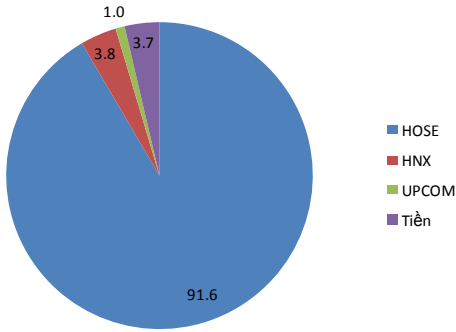
### TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI INDEX

28/02/2008 = 100

(\*) Bao gồm cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư



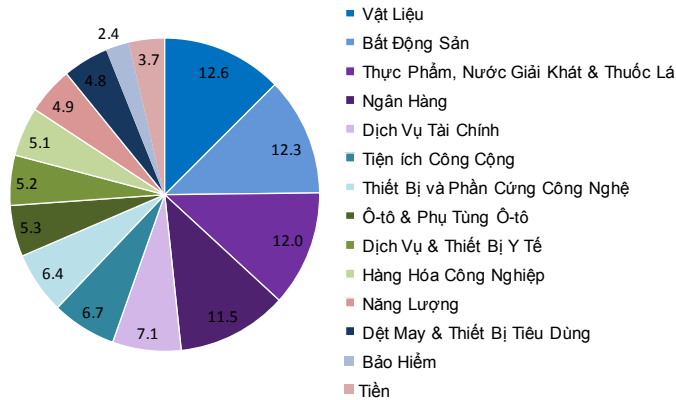
## CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



## 5 CP CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn giao dịch	% NAV
VNM	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HOSE	9.4
HPG	Vật Liệu	HOSE	7.1
GAS	Tiện ích Công Cộng	HOSE	6.7
VCB	Ngân Hàng	HOSE	6.4
FPT	Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	HOSE	6.4

## CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



## ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

	VF4	VN-Index
P/E trung vị	11.0	10.3
P/E bình quân gia quyền	10.1	13.1
P/B trung vị	1.7	1.0
P/B bình quân gia quyền	1.9	1.9
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	19.9	14.7
Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%)	3.5	3.8
Số lượng cổ phiếu	29	304

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

## CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền và tương đương tiền	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạn mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

## CHỈ SỐ RỦI RO

	VF4	VN-Index
Hệ số Beta	1.1	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	19.4	17.3
Hệ số Sharpe	(0.5)	(0.1)

## KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.



# QUỸ ĐẦU TƯ VFA

Tháng 02-2015

## THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVFA
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	02/04/2010
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	18/4/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	HSBC Việt Nam
Đại lý chuyển nhượng	HSBC Việt Nam
Đại lý phân phối	VFM, HSC, VCSC, KIS, VDSC, FPT
Phí quản lý	Tối đa 2%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.2% - 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0.5% - 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Thứ Sáu hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Tái tục đầu tư

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	88.3
Số lượng CCQ đang lưu hành	11,885,261.7
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	7,901.8
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	7,206.1
Tỷ lệ chi phí 12 tháng (%)	2.6
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	153.4

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

## MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFA là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi, dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following).

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

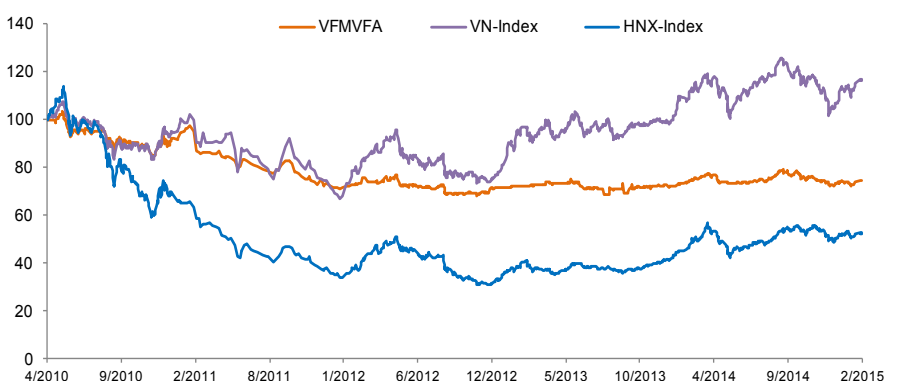
Trong tháng 02 năm 2015 thị trường cổ phiếu Việt Nam tăng mạnh khi mà VN-Index tăng 2.9% và HNX-Index tăng 0.2%. Trong cùng thời điểm chỉ số VN30-Index tăng 2.0%. Kết thúc tháng 02 năm 2015, NAV/CCQ của Quỹ VFMVFA đạt 7,427.0 đồng/ccq, tăng 1.0% so với tháng trước.

Trong tháng 02/2015, các chiến lược đầu tư của Quỹ không tăng mức đầu tư trên cổ phiếu nên cơ cấu tài sản của Quỹ thay đổi không đáng kể khi tỷ trọng cổ phiếu trên sàn HOSE ở mức 53.8% NAV và còn lại 46.2% NAV Quỹ thực hiện đầu tư vào các tài sản phi rủi ro như tiền gửi kỳ hạn. Trong tháng, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ theo chiến lược không có thay đổi nhiều so với tháng trước khi chiến lược MATF trên cổ phiếu chiếm 29.5% NAV, chiến lược Chọn lọc tín hiệu chiếm 30.3% NAV, chiến lược HVTF1.0 chiếm 10.4% NAV và chiến lược HVTF1.1 chiếm 29.8% NAV.

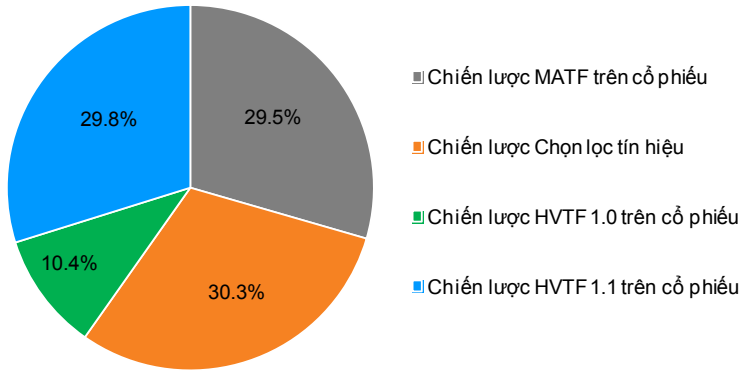
## THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				Lũy kế từ khi hoạt động (02/4/2010)
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	
VFMVFA	7,427.0	1.0	0.3	1.5	(1.8)	(25.7)
VN-Index	592.6	2.9	4.6	8.6	1.0	16.1
HNX-Index	85.8	0.2	(1.9)	3.4	3.2	(47.7)
VN30-Index	618.4	2.0	1.2	2.8	(6.8)	15.7

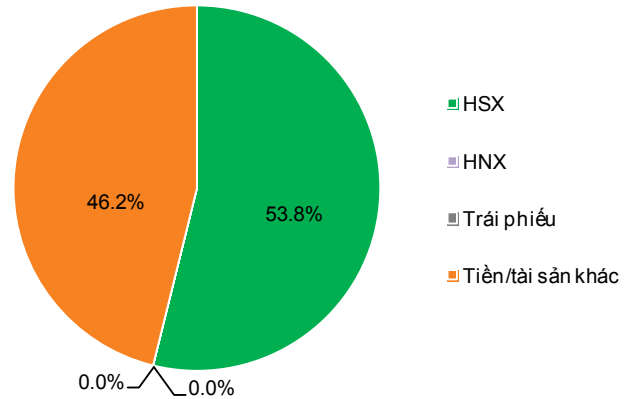
## TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX 02/04/2010 = 100



## CƠ CẤU DANH MỤC THEO CHIẾN LƯỢC (%NAV)



## CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



## CHỈ SỐ RỦI RO

	VFA	VN-Index
Hệ số Beta	0.3	1.0
Độ lệch chuẩn trung bình năm (%)	7.6	17.3
Hệ số Sharpe	(0.9)	(0.1)

## CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ...	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

## KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.



# QUỸ ĐẦU TƯ VFB

## Tháng 2 - 2015

### THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVFB
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	10/06/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Deutsche Bank AG HCM
Đại lý chuyển nhượng	Deutsche Bank AG HCM
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPT, KIS, MSBS, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	0.9%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.3% đến 0.6% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	ngày thứ Sáu hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	88.0
Số lượng CCQ đang lưu hành	7,229,970.8
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	12,169.4
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	10,512.7
Vòng quay tài sản trong năm (%)	406.9

**Ông Trần Lê Minh - Quản lý danh mục đầu tư**

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

#### Ghi chú

(\*) NAV của quỹ VFMVFB có biến động mạnh vào thời điểm ngày 8/8 và 26/9/2013 do thị trường xuất hiện các giao dịch với giá bất thường (mức độ chênh lệch giá lên tới 5% so với mặt bằng giá thị trường) của trái phiếu quỹ đang nắm giữ. Với phương pháp xác định NAV áp dụng trước thời điểm 1/10/2013, Quỹ VFMVFB bắt buộc phải định giá tài sản theo giá giao dịch bất thường nêu trên, NAV của quỹ sẽ không còn bị tác động bởi giá giao dịch bất thường nêu trên sau 2 tuần hoặc có các giao dịch khác xuất hiện trên thị trường. Các biến động này hoàn toàn mang tính kỹ thuật và không phản ánh chính xác tình hình hoạt động của quỹ. Sau ngày 1/10/2013, quỹ VFMVFB sẽ không bị tác động bởi các biến động bất thường tương tự.

(\*\*) Chỉ số trái phiếu 1 năm và 2 năm do Dragon Capital Debt Management Limited thực hiện. Bản quyền thuộc về Dragon Capital Group. VFM sử dụng các chỉ số này với sự cho phép của Dragon Capital.

### MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFB là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam,...), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ.

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Tết Âm lịch đã kéo dài 9 ngày trong tháng 2 và có ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động của thị trường trái phiếu. Giá trị giao dịch trái phiếu chính phủ trong tháng đạt 32.906 tỷ đồng, giảm 41% so với tháng 1 và giá trị giao dịch bình quân phiên trong tháng 2 giảm 9% so với số liệu tháng trước. Lợi suất TPCP các kỳ hạn ngắn từ 3 năm và thấp hơn có mức biến động không đáng kể trong tháng, tuy nhiên lợi suất trái phiếu có kỳ hạn từ 5 năm trở lên có sự suy giảm đáng kể với mức biến động lớn nhất lên tới 23 điểm cơ bản đối với trái phiếu kỳ hạn 15 năm và 21 điểm đối với trái phiếu kỳ hạn 5 năm. Các biến động này phản ánh kỳ vọng của thị trường về một giai đoạn lãi suất thấp trong trung hạn. Các dấu hiệu kinh tế vĩ mô như lạm phát kỳ vọng, tăng trưởng tín dụng, lãi suất cho vay và huy động .... đều đang hỗ trợ cho việc suy giảm tiếp tục của lợi suất trái phiếu. Trong xu hướng hiện tại, quỹ VFMVFB sẽ tiếp tục nắm giữ trái phiếu chính phủ và tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu chuyển đổi.

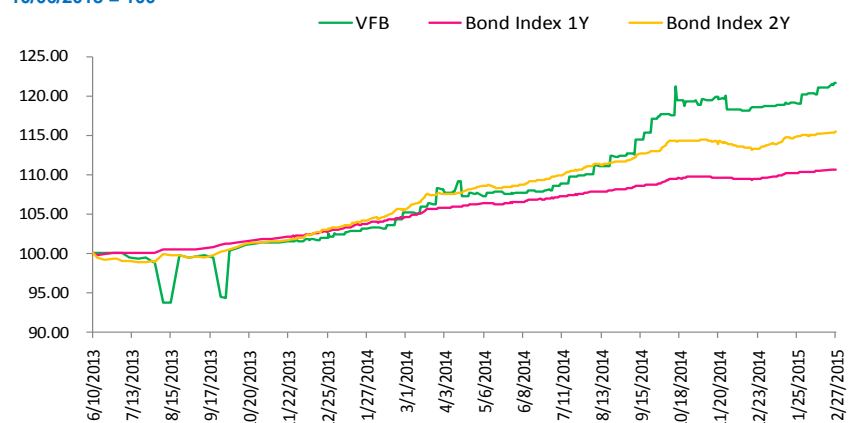
Trong tháng 2 2015, NAV/Chứng chỉ quỹ của quỹ VFMVFB đã có sự tăng trưởng 1,1% so với cuối tháng 1 và đạt mức tăng trưởng 2,6% tính từ đầu năm. Mức tăng trưởng này cao hơn so với mức tăng của chỉ số tham chiếu và tăng trưởng các quỹ trái phiếu nội địa khác. Mức tăng trưởng này được đóng góp chủ yếu từ lãi định giá trái phiếu quỹ VFMVFB đang nắm giữ.

### THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (10/6/2013)
VFMVFB	12,169.4	1.1	2.9	2.6	21.7
Bond-Index 1 năm	198.8	0.3	1.0	0.9	10.7
Bond-Index 2 năm	214.7	0.3	1.4	1.5	15.4

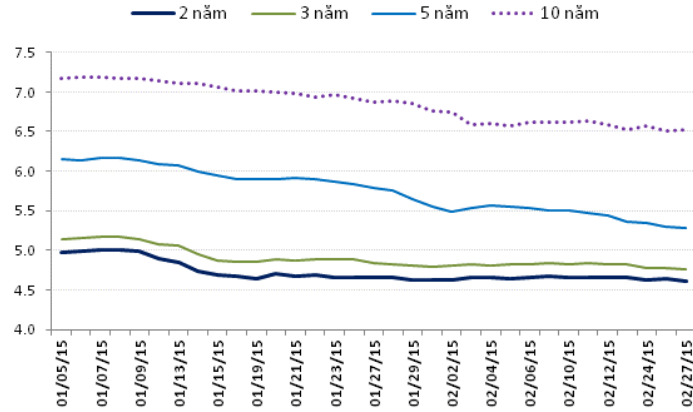
### TĂNG TRƯỞNG NAV (\*) SO VỚI BOND\_INDEX (\*\*)

10/06/2013 = 100

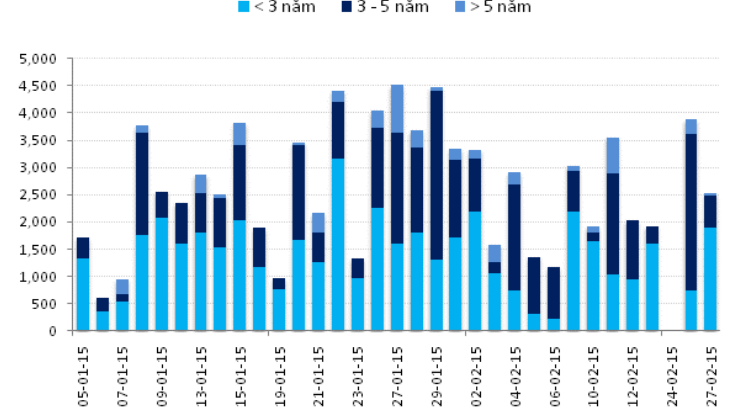


## THÔNG TIN CHUNG THỊ TRƯỜNG

### BIẾN ĐỘNG LỢI SUẤT CÁC KỲ HẠN CỦA TPCP Năm 2015



### GIÁ TRỊ GIAO DỊCH TPCP (tỷ VNĐ) Năm 2015



## TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG QUỸ VFMVFB

MỘT SỐ CHỈ TIÊU	Từ 1/1/2014 tới 31/12/2014	Từ 10/6/2013 tới 31/12/2013
Vốn điều lệ (đồng)	99.574.822.600	99.574.822.600
Giá trị tài sản ròng tại 31 tháng 12 (đồng)	85.144.431.750	73.265.782.705
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại 31 tháng 12	7.175.245,67	7.145.780,29
Giá trị tài sản ròng trên đơn vị quỹ tại ngày 31 tháng 12 (đồng)	11.866,4	10.253,01
Giá trị tài sản ròng trên đơn vị quỹ cao nhất trong 12 tháng (đồng)	11.983,2	10.253,01
Giá trị tài sản ròng trên đơn vị quỹ thấp nhất trong 12 tháng (đồng)(*)	10.256,1	9.369,3
Chi phí hoạt động quỹ (% giá trị tài sản ròng bình quân)(**)	2,22	2,49
Vòng quay danh mục đầu tư (%)(***)	248,76	221,56
Tăng trưởng NAV/ccq trong năm hoạt động (%)	15,74	2,53
Tăng trưởng NAV/ccq từ khi bắt đầu hoạt động (%)(****)	18,66	2,53

#### Ghi chú

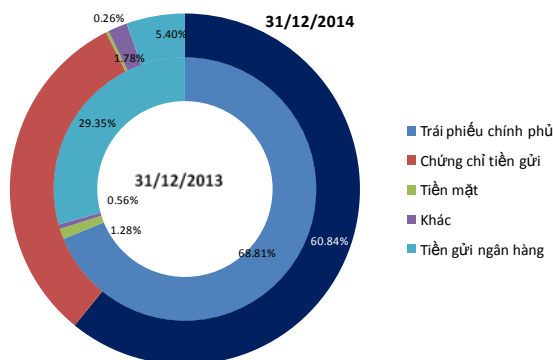
(\*) Giá trị tài sản ròng trên đơn vị quỹ thấp nhất trong năm 2013 không phản ánh chính xác giá trị thực tế trên mỗi đơn vị chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (ngày 9/8/2013) do việc định giá trái phiếu đang nắm giữ trong danh mục tại thời điểm nên trên được thực hiện theo giá giao dịch bất thường trên thị trường tuân thủ theo các quy định tại số tay định giá của quỹ. Tuy nhiên giá giao dịch sử dụng để định giá không phản ánh đúng mật bảng giá thị trường của trái phiếu tại thời điểm định giá do tác động bất thường của tính chất giao dịch. Sau ngày 1 tháng 11 2013, điều khoản về định giá trái phiếu trong Sổ tay định giá quỹ VFMVFB đã được Ban đại diện quỹ sửa đổi để đảm bảo loại trừ trường hợp nêu trên và phản ánh chính xác giá trị thị trường của các tài sản đầu tư.

(\*\*) Chi phí của quỹ năm 2014 giảm so với năm 2013 do năm 2013 phát sinh chi phí bất thường để tổ chức đại hội thành lập quỹ theo luật định.

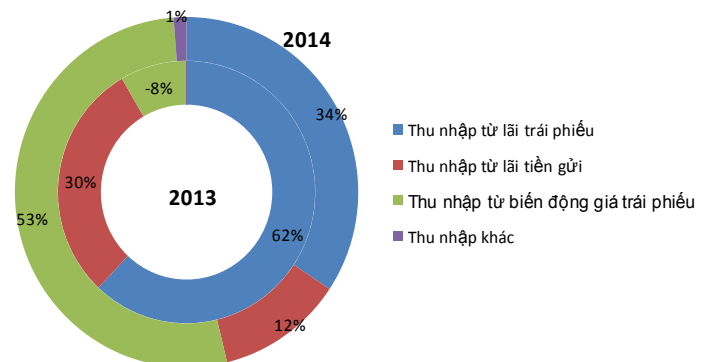
(\*\*\*) Vòng quay của quỹ trong giai đoạn từ 1/1/2014 cho tới 31/12/2014 là 240,9% cho thấy quỹ đã tuân thủ chiến lược đầu tư năng động với việc tăng cường mua và thanh toán các trái phiếu đầu tư tại các thời điểm phù hợp để tìm kiếm lợi nhuận cho quỹ.

(\*\*\*\*) Quỹ VFMVFB bắt đầu hoạt động từ ngày 10 tháng 6 năm 2013. Tăng trưởng bình quân cho giai đoạn từ khi hoạt động tới ngày 31/12/2014 sẽ là 11,97%/năm.

## PHÂN BỐ TÀI SẢN (%NAV)



## CƠ CẤU THU NHẬP



## KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

### THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	ETF VFMVN30
Mã giao dịch	E1VFN30
Mã trên Bloomberg	E1VFN30 VN Equity
Sàn niêm yết	HOSE
Loại hình quỹ	Quỹ hoán đổi danh mục
Chỉ số tham chiếu	VN30-Index
Tiền tệ	VND
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đơn vị cung cấp chỉ số	Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
Thành viên lập quỹ	HSC, BVSC, TVSI, ACBS
Lô chứng chỉ quỹ ETF	1 (một) lô ETF tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ ETF.
Tần suất giao dịch hoán đổi	Hàng ngày
Phí quản lý	0.65%/NAV/năm
Phí phát hành	Miễn phí
Phí mua lại	Từ 0% đến 0.15%
Phân phối lợi nhuận	Hàng năm

Tổng giá trị tài sản ròng (tỷ VNĐ)	192.6
Số lượng CCQ đang lưu hành	20,200,000
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	10,254.5
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	8,828.2
Tỷ lệ chi phí bình quân năm (%)	1.14
Mức sai lệch sv chỉ số tham chiếu (%)	0.59

**Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư**

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: [ir@vinafund.com](mailto:ir@vinafund.com)

### MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tham chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá (price index) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

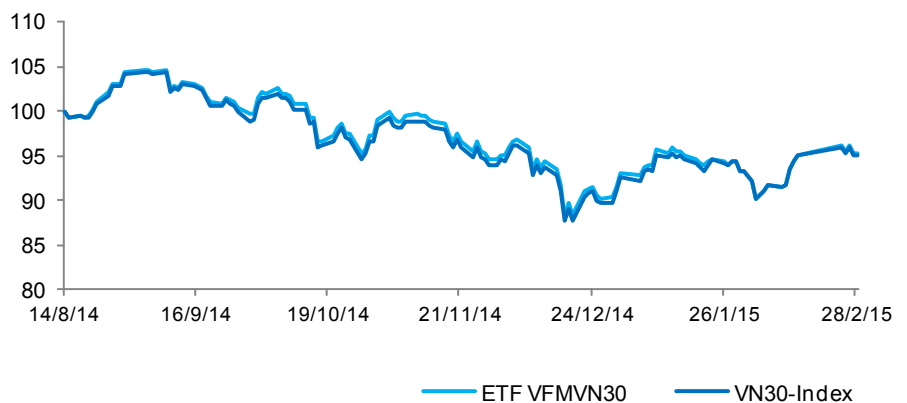
Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Giá trị danh mục đầu tư của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30.

### THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

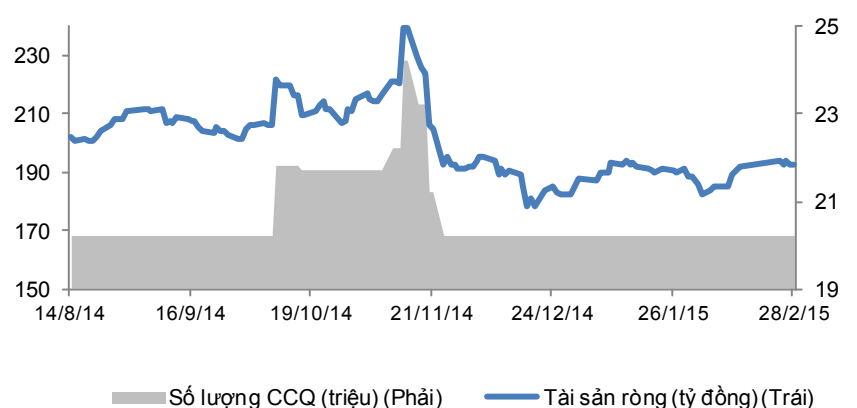
	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				Luỹ kế từ khi kết thúc đăng ký góp vốn (14/8/2014)
		1 tháng	3 tháng	Luỹ kế từ đầu năm	Luỹ kế 12 tháng	
<b>ETF VFMVN30</b>	9,534.4	2.1	0.7	2.4	NA	(4.7)
<b>VN30-Index</b>	618.4	2.0	1.2	2.8	(6.8)	(4.8)

### NAV ETF VFMVN30 VÀ CHỈ SỐ THAM CHIẾU

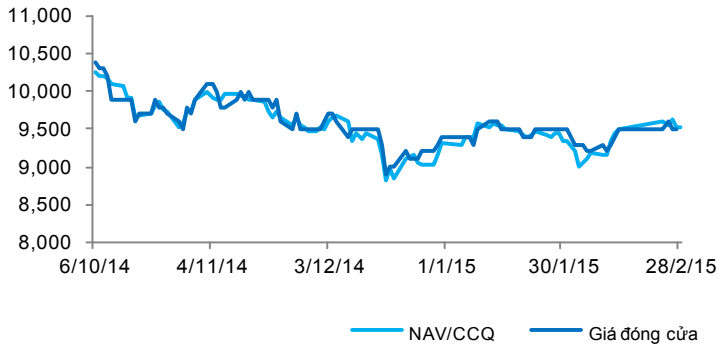
14/08/2014 = 100



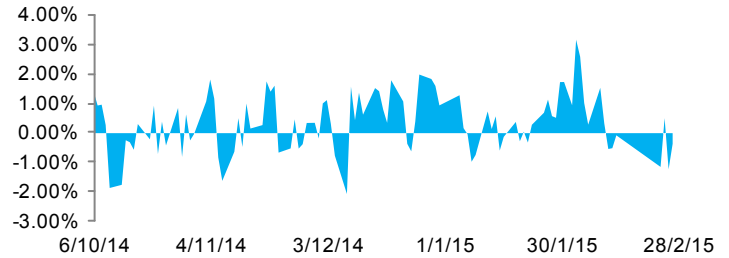
### TÀI SẢN RÒNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ



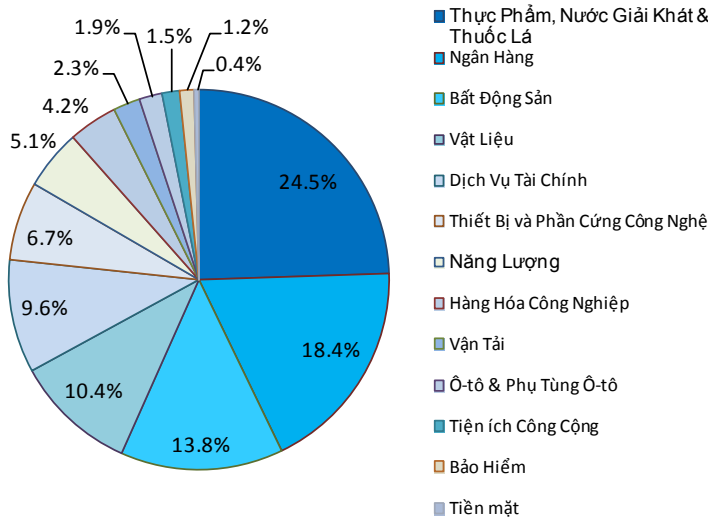
## NAV/CCQ VÀ GIÁ ĐÓNG CỬA



## MỨC CHÊNH LỆCH GIÁ VÀ NAV (+/-)



## PHÂN BỐ TÀI SẢN (%NAV)



## CHỈ SỐ CƠ BẢN

	ETF VFMVN30
Tỷ suất sinh lời cổ tức (%)	2.8
Hệ số P/E	11.9
Hệ số P/B	1.8
Số lượng cổ phiếu	30

## CHỈ SỐ RỦI RO

	ETF VFMVN30
Hệ số Beta so với VN-Index	0.9
Độ biến động bình quân năm (%)	16.4
Tỷ lệ Sharpe	NA

## DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	% NAV	Sở hữu nước ngoài/room	Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	% NAV	Sở hữu nước ngoài/room
VNM	191,900	20.7	10.8%	100.0%	FLC	288,860	3.2	1.6%	21.2%
VIC	406,020	20.1	10.4%	32.7%	GMD	94,940	2.7	1.4%	100.0%
MSN	226,240	19.3	10.0%	72.3%	ITA	345,420	2.6	1.4%	32.0%
STB	874,660	17.0	8.8%	20.7%	DRC	40,400	2.5	1.3%	77.4%
HPG	276,740	13.0	6.8%	86.6%	HVG	109,080	2.4	1.2%	44.8%
FPT	264,620	12.9	6.7%	100.0%	HSG	60,600	2.4	1.2%	90.7%
VCB	254,520	9.8	5.1%	70.0%	BVH	62,620	2.3	1.2%	49.5%
HAG	416,120	9.5	4.9%	65.6%	PPC	76,760	1.9	1.0%	34.4%
MBB	610,040	8.6	4.5%	100.0%	CII	92,920	1.7	0.9%	82.4%
PVD	145,440	8.4	4.4%	81.0%	HCM	48,480	1.6	0.8%	99.9%
SSI	236,340	6.5	3.4%	73.9%	PVT	98,980	1.4	0.7%	27.8%
KDC	101,000	4.7	2.4%	54.6%	CSM	32,320	1.3	0.7%	48.7%
REE	167,660	4.6	2.4%	100.0%	OGC	185,840	1.1	0.6%	18.1%
DPM	145,440	4.6	2.4%	50.5%	VSH	68,680	0.9	0.5%	50.9%
KBC	206,040	3.4	1.7%	49.6%	IJC	62,620	0.8	0.4%	29.2%

## KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.



**VIETFUND**  
MANAGEMENT

**HEAD OFFICE**

Suite 1701-04, 17th Floor, Melinh Point Tower  
2 Ngo Duc Ke, District 1, HCMC  
Tel: +84 8 3825 1488 | Fax: +84 8 3825 1489  
Hotline. +84 8 3825 1480

**BRANCH OFFICE IN HA NOI**

9th Floor, Room 903, BIDV Office Building, 194 Tran Quang Khai Street,  
Hoan Kiem District, Hanoi  
Tel: +84 4 3942 8168 | Fax: +84 4 3942 8169

[www.vinafund.com](http://www.vinafund.com)